

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2020.

V/v: “*tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Vân Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Minh Thọ

2. Ông Vương Xuân Tượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 18/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số 567/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm L, sinh năm: 1958, địa chỉ: đường A, phường B, thành phố C, tỉnh D.

*Bị đơn:* Ông Vũ Đ, sinh năm 1954, địa chỉ: đường A, phường B, thành phố C, tỉnh D.

(Bà L có mặt, ông Đ vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Vũ Tuấn Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/6/1983, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng

không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nguyên nhân trong thời gian chung sống ông Đ không toàn tâm, toàn ý với bà, thường xuyên nói dối bà liên lạc với vợ cũ ngoài quê, tiền bạc ông Đ làm ra không đưa cho bà nuôi con mà gửi về quê cho vợ cũ. Bà đã nhiều lần gửi đơn ly hôn với ông Đ, nhưng vì con cái nên bà rút đơn để vợ chồng hàn gắn, hòa giải với nhau nhưng đến bây giờ ông Đ vẫn không thay đổi. Hiện nay, bà và ông Đ đã không còn chung sống với nhau. Nay, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ Đ.

*Về con chung:* Có 03 con chung tên Vũ D, sinh ngày 26/11/1993, Vũ H, sinh ngày 20/9/1985 và Vũ Th, sinh ngày 13/01/1984. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

*\* Theo bản tự khai và tại phiên hòa giải ông Vũ Tuấn Đ trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà L lấy nhau có có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/6/1983, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi chỉ có bất đồng về lời ăn, tiếng nói chứ không xảy ra mâu thuẫn gì. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày là không đúng, trước đây ông đã có vợ nhưng đã ly hôn, gần đây ông có về quê và vô tình gặp lại nhau chỉ khoảng 15 phút, sau khi vào DL thỉnh thoảng có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng không còn tình cảm gì. Giữa ông và bà L gần đây có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ cũ của ông thường xuyên gọi điện thoại, vì xã giao ông nhắc máy chứ ông không chủ động liên lạc và không có quan hệ nào khác. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông đã chủ động ra khỏi nhà, thuê nhà trọ ở để tránh xảy ra xô xát. Theo yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý, ông xin bà L tha lỗi và mong muốn gia đình đoàn tụ.

*Về con chung:* Có 03 con chung tên Vũ D, sinh ngày 26/11/1993, Vũ H, sinh ngày 20/9/1985 và Vũ Th, sinh ngày 13/01/1984. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Vũ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị L với bị đơn ông Vũ Tuấn Đ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Tuấn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đường.

#### **[2] Về nội dung:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống theo bà L trình bày ông Đ không có trách nhiệm với vợ con, làm ra tiền nhưng không đưa cho bà mà gửi về quê cho vợ cũ, ông Đ thường xuyên liên lạc với vợ cũ, không coi bà ra gì, vì chuyện này nên giữa bà và ông Đ thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc, hiện nay ông Đ và bà L không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà Nguyễn L và ông Vũ Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có thiện chí hòa giải nên chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Vũ Tuấn Đ là phù hợp và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Bà L và ông Đ có ba con chung tên Vũ D, sinh ngày 26/11/1993, Vũ H, sinh ngày 20/9/1985 và Vũ Th, sinh ngày 13/01/1984. Xét thấy, Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

*Về tài sản chung:* Bà L và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà L và ông Đ xác định không có.

*Về án phí:* Buộc bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Vũ Đ.

2. *Về án phí:* Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003127 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, ông Vũ Tuấn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường 1, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng.
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Vân Hồng**

